TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 20 - 02 - 2020
"T*/c đòi tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Kỉnh.
Ông Nguyễn Ngọc Châu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST–DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950 và ông Võ Tấn B, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 13/124 khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 102 KA ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An, theo văn bản ủy quyền ngày 16-12-2019. (có mặt)

Bị đơn:

1- Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 2B/12 ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2- Bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 13/124 khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2019 của bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Tấn B và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng X trình bày: Vào ngày 18-11-2015, bà Đ và ông B có cho ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn tại Ngân hàng V, do công việc làm ăn bị thất bại nên không trả nợ cho ngân hàng được và ngân hàng đã khởi kiện. Bà Đ và ông B đã trả nợ thay cho ông B và bà A số tiền 186.800.000 đồng, đồng thời nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp. Bà Đ và ông B đã nhiều lần đến nhà ông B và bà A yêu cầu trả lại số tiền trên thì ông B và bà A cứ hẹn mà không trả. Nay

bà Đ và ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà A trả lại số tiền 186.800.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại Bản tự khai ngày 03-01-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị Kim A trình bày: Năm 2016 bà A và ông Trương Ngọc T có mượn của cha mẹ bà A một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay ngân hàng 100.000.000 đồng. Năm 2017, bà A và ông B trả tiền ngân hàng rồi tiếp tục vay lại 150.000.000 đồng, do làm ăn bị thất bại nên vợ chồng bà A ông B không trả được tiền vay cho ngân hàng và sau khi ngân hàng khởi kiện thì bà Đ và ông B đã trả cho ngân hàng số tiền gốc và lãi vay là 186.800.000 đồng. Nay bà A đồng ý hoàn trả cho bà Đ và ông B số tiền đã trả nợ thay cho ngân hàng, tuy nhiên do bà A và ông B đã ly hôn nên bà A trả phân nửa và ông B trả phân nửa số tiền nói trên.

Bị đơn là ông Trương Ngọc T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về phiên hòa giải nhưng ông B không trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Tấn B với ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A là tranh chấp đòi tài sản do bảo lãnh. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trương Ngọc T đã được Tòa án thông báo mở phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ và ông B: Theo lời trình bày của bà Đ, ông B, bà A và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào tháng 11 năm 2014, bà Đ và ông B ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là thửa số 7 tờ bản đồ số 6-4 tọa lạc thị trấn T, huyện T do ông Võ Tấn B đứng tên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là VPBANK) để bảo đảm cho khoản vay 150.000.000 đồng của ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A tại VPBANK - Chi nhánh Long An. Do công việc làm ăn của ông B và bà A bị thất bại nên không trả tiền vay cho ngân hàng được. Ngày 17-4-2018, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của VPBANK đối với bị đơn là ông B, bà A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ, ông B. Ngày 29-6-2018, bà Đ và ông B đến VPBANK - Chi nhánh Long An trả thay cho ông B, bà A số tiền gốc và lãi vay là 186.800.000 đồng, Ngân hàng trả cho bà Đ và ông B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 7 tờ bản đồ số 6-4 tọa lạc thị trấn T, huyện T, sau đó Ngân hàng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông B và bà A. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 04-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của VPBANK đòi ông B và bà A trả số tiền 186.800.000 đồng, bản án đã có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà A thừa nhận bà và ông B chưa trả số tiền 186.800.000 đồng cho bà Đ và ông B, do đó bà Đ và ông B khởi kiện yêu cầu ông B và bà A trả số tiền 186.800.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của Điều 340 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Về lãi: Theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, do bà Đ và ông B không yêu cầu ông B và bà A trả lãi nên không xem xét.

[4] Bà A trình bày bà và ông B đã ly hôn nên mỗi người trả cho bà Đ, ông B phân nửa số tiền nợ 186.800.000 đồng. Xét thấy tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 172/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13-10-2016 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An chỉ giải quyết về hôn nhân giữa ông B và bà A, không giải về tài sản chung và nợ chung, vì vậy việc bà A đề nghị chia đôi nợ chung để trả là có cơ sở và phù hợp với Điều 37, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý cho bà A, ông B mỗi người trả phân nửa số tiền nợ. Do đó ông B, bà A mỗi người phải trả cho bà Đ và ông B số tiền là 93.400.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông B, bà A phải chịu tiền án phí tính theo số tiền phải trả là 4.670.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 340 Bộ luật dân sự; Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Tấn B đối với ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A.

Buộc ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Tấn B số tiền là 93.400.000 (Chín mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Ngọc T và bà Võ Thị Kim A mỗi người phải chịu 4.670.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Võ Tấn B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

4. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20-02-2020. Ông Trương Ngọc T vắng mặt thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến